

Số:101/2020/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 07 tháng 9 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
**Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Ông Ngô Tiến Phong.**

Thư ký phiên họp: **Bà Nguyễn Thị Hằng.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

**Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên.**

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 174/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên họp số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2020 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

**Bà Giáp Thị H, sinh năm 1962; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Số bc, ngõ cd phố Hữu Nghị, P. Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội, có mặt.**

**Ông Phùng Công Th, sinh năm 1962; chỗ ở: Moskevsk A/58 Vrsovice abc Praha 10, Czech, vắng mặt.**

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phùng Thị Tuyết M, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Số bc, ngõ cd phố Hữu Nghị, P. Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội, có mặt.**

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Trong đơn ly hôn, bản tự khai Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th cùng trình bày: Ông bà tự nguyện xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn ngày 22/11/1985 tại UBND phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 1988 thì ông Th đi xuất khẩu lao động tại cộng hòa Czech (Tiệp khắc) đến năm 1990 ông Th không liên lạc về gia đình. Tháng 7 năm 2006 ông Th có về nước một thời gian nhưng do vợ chồng không còn tình cảm, quan điểm sống trái ngược nhau

và kể từ tháng 12/2007 đến nay vợ chồng cắt hẳn liên lạc và không ai quan tâm đến ai. Ông Th ở lại cộng hòa Czech và không có trách nhiệm với vợ con.

Nay cả hai ông bà đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn.

*Về con chung:* Có 01 con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 16/01/1987, hiện tại con chung đã lớn khôn, trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng có thửa đất Số bc, ngõ cd phố Hữu Nghị, P. Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Giáp Thị H; trong đó diện tích đất ở là 240m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 231,3m<sup>2</sup>; trên đất có 01 nhà cấp 4 đã hết khấu hao và 01 nhà 03 tầng do vợ chồng con gái xây dựng lên.

Nay ly hôn vợ chồng cùng bên thỏa thuận:

- Phần đất chia cho ông Th có diện tích 157m<sup>2</sup>; trong đó có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 77m<sup>2</sup>. Có chiều dài các cạnh lần lượt là 5,62m x 28,78m x 5,65m x 27,38m nằm ở phía ngoài cùng bên tay trái đứng từ ngõ cd nhìn vào tiếp giáp với thửa 123(Có hình vẽ kèm theo). Trên phần đất của ông Th có ½ nhà cấp 4 lợp tôn. Do ông Th đang ở nước ngoài nên nhà và đất tiếp tục để cho bà H sử dụng. Khi ông Th có nhu cầu lấy lại nhà và đất trên, bà H phải có trách nhiệm giao lại cho ông Th và không yêu cầu ông Th phải thanh toán lại giá trị tiền nhà.

- Phần đất chia cho bà H có diện tích 101,4m<sup>2</sup>; trong đó có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 21,4m<sup>2</sup>. Chiều dài các cạnh lần lượt là 3,8m x 27,38m x 3,8m x 26,45m nằm ở giữa phần đất chia cho ông Th và chị M; trên đất có ½ nhà cấp 4 (Có hình vẽ kèm theo); hiện bà H đang quản lý và sử dụng.

- Phần đất chia cho con chung Phùng Thị Tuyết M có diện tích 212,9m<sup>2</sup>; trong đó, có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 132,9m<sup>2</sup>. Có chiều dài các cạnh lần lượt là 8,78m x 26,45m x 8,10m x 24,38m nằm ở ngoài cùng bên tay phải đứng từ ngõ cd nhìn vào; bên tay trái tiếp giáp với phần đất của bà H được chia, bên tay phải tiếp giáp ngách lối đi (Có hình vẽ kèm theo). Trên phần đất chia cho con của 02 vợ chồng có nhà 03 tầng do vợ chồng con xây dựng lên.

- Không bên nào phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho bên nào.

*Về vay nợ chung:* Vợ chồng không vay nợ ai.

*Về lệ phí:* Bà H tự nguyện nộp tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Do điều kiện ở xa nên ông Phùng Công Th đề nghị giải quyết vắng mặt ông ở tất cả các buổi hòa giải, mở phiên họp tại Tòa án.

Chị Phùng Thị Tuyết M đồng ý vớ lời khai và cách phân chia tài sản chung trên của 02 bên bố mẹ chị; chị đồng ý nhận tài sản mà bố mẹ chị cho.

Tại phiên họp, bà H, chị M cùng có mặt; ông Th vắng mặt nhưng đã ủy quyền toàn bộ việc giải quyết của mình cho con gái ông là chị M

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, Tòa án đã tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th kết hôn hợp pháp. Nay mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm, đề nghị Thẩm phán công nhận cho bà H và ông Th ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xét. Về tài sản chung: Đề nghị Thẩm phán ghi nhận sự thỏa thuận phân chia nhà đất trên của các bên đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th cùng có đơn yêu cầu giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn. Hiện ông Th đang sinh sống và làm việc tại công hòa Czech nên theo quy định tại Điều 29, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] *Về nội dung*: Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th kết hôn trên tình thân tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 22/11/1985 tại UBND phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng ở 02 nơi, bà ở Việt Nam, ông ở cộng hòa Czech. Từ lâu, vợ chồng không quan tâm và có trách nhiệm với nhau, nay cả hai bên đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn. Việc yêu cầu của 02 ông bà là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận.

Về con chung: Có 01 con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 16/01/1987, hiện tại con chung đã lớn khôn, trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản đúng như trên, nay đề nghị Tòa án ghi nhận sự phân chia tài sản chung của 02 vợ chồng khi ly hôn.

Qua kiểm tra tài sản trên thực địa Tòa án thấy đúng như các bên đương sự trình bày, hiện tài sản không có tranh chấp gì nên ghi nhận việc phân chia trên.

[3] *Về lệ phí*: Bà H tự nguyện nộp tiền lệ phí hôn sơ thẩm. Do ghi nhận phân chia tài sản không phải hòa giải nên Tòa miễn toàn bộ lệ phí ghi nhận tài sản cho các đương sự đối với phần tài sản mà mình được nhận.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 55, 57, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 67, Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th.

Bà Giáp Thị H và ông Phùng Công Th được chấm dứt hôn nhân.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Phùng Thị Tuyết M, sinh ngày 16/01/1987, hiện đã lớn khôn, trưởng thành và đã lập gia đình nên Tòa không xét.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng có thửa đất số 124 tờ bản đồ số 1, diện tích 471,3m<sup>2</sup>, tại địa chỉ: Số bc, ngõ cd phố Hữu Nghị, P. Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 551569 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 31/5/2004 đứng tên bà Giáp Thị H. Trong đó, diện tích đất ở là 240m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 231,3m<sup>2</sup>; trên đất có 01 nhà cấp 4 đã hết khấu hao lợp tôn và 01 nhà 03 tầng do vợ chồng chị M (con chung) xây dựng lên.

Nay ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về tài sản khi ly hôn như sau:

- Phần đất chia cho ông Th có diện tích 157m<sup>2</sup>; trong đó có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 77m<sup>2</sup>. Có chiều dài các cạnh lần lượt là 5,62m x 28,78m x 5,65m x 27,38m nằm ở phía ngoài cùng bên tay trái đứng từ ngõ cd nhìn vào tiếp giáp với thửa 123(Có hình vẽ kèm theo). Trên phần đất của ông Th có ½ nhà cấp 4 lợp tôn. Do ông Th đang ở nước ngoài nên nhà và đất tiếp tục để cho bà H sử dụng. Khi ông Th có nhu cầu lấy lại nhà và đất trên, bà H phải có trách nhiệm giao lại cho ông Th và không yêu cầu ông Th phải thanh toán lại giá trị tiền nhà.

- Phần đất chia cho bà H có diện tích 101,4m<sup>2</sup>; trong đó có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 21,4m<sup>2</sup>. Chiều dài các cạnh lần lượt là 3,8m x 27,38m x 3,8m x 26,45m nằm ở giữa phần đất chia cho ông Th và chị M; trên đất có ½ nhà cấp 4 (Có hình vẽ kèm theo); hiện bà H đang quản lý và sử dụng.

- Phần đất chia cho con chung Phùng Thị Tuyết M có diện tích 212,9m<sup>2</sup>; trong đó, có diện tích đất ở là 80m<sup>2</sup>, diện tích đất vườn là 132,9m<sup>2</sup>. Có chiều dài các cạnh lần lượt là 8,78m x 26,45m x 8,10m x 24,38m nằm ở ngoài cùng bên tay phải đứng từ ngõ cd nhìn vào; bên tay trái tiếp giáp với phần đất của bà H được chia, bên tay phải tiếp giáp ngách lối đi (Có hình vẽ kèm theo). Trên phần đất chia cho con của 02 vợ chồng có nhà 03 tầng do vợ chồng con xây dựng lên.

- Không bên nào phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho bên nào.

Về vay nợ chung: Không có.

3. Án phí: Giáp Thị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà H đã nộp tại

biên lai thu số 0013612 ngày 26/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Miễn lệ phí chia tài sản cho các đương sự do vụ việc không phải hòa giải khi ghi nhận.

Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng lệ phí chia tài sản cho bà H, ông Th và chị M mà Cục Thi hành án Hà Nội đã thu, cụ thể:

3.1. Số tiền 22.500.000 đồng theo biên lai thu đứng tên Giáp thị H số 0013999 ngày 02/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3.2. Số tiền 14.742.000 đồng theo biên lai thu đứng tên Phùng Công Th số 0020331 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3.3. Số tiền 19565.000 đồng theo biên lai thu đứng tên Phùng Thị Tuyết M số 0020330 ngày 24/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

*(Tất cả các biên lai thu trên đều thể hiện chị Phùng Thị Tuyết M là người nộp tiền).*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày công bố./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Ngô Tiến Phong**